

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông**

Trình độ đào tạo: **Đại học hệ chính quy**

Ngành đào tạo: **Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông**

Mã số: **7580205**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mô tả chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực hành trong thiết kế, thi công, quản lý và bảo trì các công trình giao thông như đường bộ, cầu, hầm,... Sinh viên được học các môn cơ sở kỹ thuật, cơ học đất, vật liệu xây dựng, kết cấu và giao thông vận tải, kết hợp với thực hành phòng thí nghiệm và thực tập thực tế. Chương trình đồng thời chú trọng phát triển kỹ năng mềm như làm việc nhóm, giao tiếp, và quản lý dự án, giúp sinh viên sẵn sàng làm việc trong môi trường kỹ thuật chuyên nghiệp và hội nhập quốc tế.

2. Thời gian đào tạo: 04 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức toàn khóa: **152** tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	
		Bắt buộc	Tự chọn
I	Toán và Khoa học tự nhiên	12	-
II	Kiến thức chung	31	-
III	Kiến thức bổ trợ	4	-
IV	Cơ sở kỹ thuật và cơ sở ngành	30	-
V	Đồ án, Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	30	
VI	Chuyên ngành	37	8
Total:		144	8
		152	

6. Nội dung chương trình

STT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Lý thuyết	TH - TN	Th. tập	Đồ án	Tổng
I. Toán và Khoa học tự nhiên		12	0	0	0	12
1	Giải tích 1	3	0	0	0	3
2	Vật lý 1+2	3	0	0	0	3
3	Xác suất thống kê	2	0	0	0	2
4	Đại số tuyến tính	2	0	0	0	2
5	Toán ứng dụng	2	0	0	0	2
II. Kiến thức chung		33	13	0	0	31
6	Nhập môn ngành	1	0	0	0	1
7	Hình họa –vẽ kỹ thuật	3	0	0	0	3
8	Tin học căn bản	2	1	0	0	3
9	Môi trường	2	0	0	0	2
10	Anh văn căn bản 1	3	0	0	0	3
11	Anh văn căn bản 2	3	0	0	0	3
12	Anh văn căn bản 3	3	0	0	0	3
13	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	0	3
14	Kinh tế chính trị	2	2	0	0	2
15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	2
16	Tư tưởng HCM	2	0	0	0	2
17	Lịch sử Đảng CSVN	2	0	0	0	2
18	Pháp luật đại cương	2	0	0	0	2
19	GD quốc phòng – an ninh*	3	5	0	0	8
20	GD thể chất 1*	0	1	0	0	1
21	GD thể chất 2*	0	1	0	0	1
22	GD thể chất 3*	0	1	0	0	1
III. Kiến thức bổ trợ		4	0	0	0	4
23	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	0	0	0	2
24	Phương pháp NCKH	2	0	0		2
IV. Kiến thức cơ sở kỹ thuật và cơ sở ngành bắt buộc		27	2	1	0	30
25	Cơ học lý thuyết	2	0	0	0	2
26	Kết cấu thép 1	2	0	0	0	2
27	Sức bền vật liệu	3	0	0	0	3
28	Thủy lực cơ sở	2	0	0	0	2
29	Địa chất Công trình	1	0	1	0	2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Lý thuyết	TH - TN	Th. tập	Đồ án	Tổng
30	Máy xây dựng	2	0	0	0	2
31	Cơ học đất	2	0	0	0	2
32	Thí nghiệm cơ học đất	0	1	0	0	1
33	Cơ học kết cấu 1	3	0	0	0	3
34	Vật liệu xây dựng	2	0	0	0	2
35	Thí nghiệm vật liệu xây dựng	0	1	0	0	1
36	Cơ học kết cấu 2	2	0	0	0	2
37	Nền móng	3	0	0	0	3
38	Kết cấu bê tông cốt thép	3	0	0	0	3
V. Kiến thức Đồ án, Thực tập và đồ án tốt nghiệp		0	0	9	21	30
39	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 1	0	0	0	1	1
40	Đồ án nền móng	0	0	0	1	1
41	Đồ án thiết kế mố trụ cầu	0	0	0	1	1
42	Đồ án Thi công cầu Bê tông cốt thép	0	0	0	1	1
43	Đồ án Thi công cầu thép	0	0	0	1	1
44	Đồ án thiết kế cầu bê tông cốt thép	0	0	0	1	1
45	Đồ án thiết kế cầu thép	0	0	0	1	1
46	Đồ án thiết kế hình học đường ô tô	0	0	0	1	1
47	Đồ án thiết kế nền mặt đường ô tô	0	0	0	1	1
48	Đồ án thi công nền đường ô tô	0	0	0	1	1
49	Đồ án thi công mặt đường ô tô	0	0	0	1	1
50	Thực tập nhận thức	0	0	1	0	1
51	Thực tập trắc địa	0	0	1	0	1
52	Thực tập Công nhân	0	0	2	0	2
53	Thực tập tốt nghiệp	0	0	5	0	5
54	Đồ án tốt nghiệp	0	0	0	10	10
Via. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		34	3	0	0	37
55	Trắc địa	2	0	0	0	2
56	Thủy văn cầu đường	2	0	0	0	2
57	Thiết kế Cầu bê tông cốt thép	2	0	0	0	2
58	Mố trụ cầu	2	0	0	0	2
59	Thiết kế Cầu thép	2	0	0	0	2
60	Dự toán xây dựng	2	1	0	0	3
61	Thi công cầu Bê tông cốt thép	3	0	0	0	3

STT	Tên học phần	Số tín chỉ				
		Lý thuyết	TH - TN	Th. tập	Đồ án	Tổng
62	Thi công cầu thép	2	0	0	0	2
63	Thiết kế hình học và khảo sát thiết kế đường ô tô	3	0	0	0	3
64	TK nền mặt đường ô tô	2	0	0	0	2
65	Thi công nền đường ô tô	2	0	0	0	2
66	Thi công mặt đường ô tô	2	0	0	0	2
67	Quản lý dự án công trình giao thông	2	0	0	0	2
68	Anh văn chuyên ngành xây dựng	2	0	0	0	2
69	Tin học ứng dụng trong công trình giao thông	1	1	0	0	2
70	Kinh tế xây dựng	2	0	0	0	2
71	Vẽ xây dựng trên máy tính (Autocad)	1	1	0	0	2
VIIb. Kiến thức tự chọn chuyên ngành (tự chọn ít nhất 8 TC theo chuyên ngành đường hoặc chuyên ngành cầu)		14	2	0	0	16
72	Khai thác và TN đường ô tô	2	0	0	0	2
73	Thực tập khai thác và thí nghiệm đường ô tô	0	1	0	0	1
74	Giao thông đô thị và thiết kế đường thành phố	2	0	0	0	2
75	Khai thác và thí nghiệm cầu	2	0	0	0	2
76	Chuyên đề cầu	2	0	0	0	2
77	Thực tập khai thác và thí nghiệm cầu	0	1	0	0	1
78	Thiết kế và thi công công trình trên đường ô tô	2	0	0	0	2
79	Nền đường trên đất yếu	2	0	0	0	2
80	Mỹ học cầu và đường	2	0	0	0	2

Hiệu trưởng

Khoa